

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 27 -4- 2020
V/v Ly hôn; tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Cẩm;
2. Bà Lê Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Trung- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tham gia phiên toà:
Ông Phạm Văn Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 về “ Ly hôn; tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 03 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 27 tháng 03 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị T1 – Sinh năm 1994

Địa chỉ: tổ dân phố T 2, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Ngô Văn T2 – Sinh năm 1990

Địa chỉ: tổ dân phố T 2, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/ 02/ 2020, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Trần Thị T1 trình bày:

Chị và anh Ngô Văn T2 có tìm hiểu nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, anh chị tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn vào ngày 22/10/2013 tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn, anh T2 làm nghề biển, còn chị buôn bán nhỏ tại địa phương. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, tuy nhiên sau khi chị sinh con thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T2 ghen tuông vô cớ, có nhiều lời nói coi thường, hắt hủi và xúc phạm chị. Nhiều lần anh T2 còn hành hung, đánh đập chị làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Bản thân chị nhiều lần chịu đựng, động viên anh T2 thay đổi để cùng nhau nuôi dạy con chung. Nhưng anh T2 không thay đổi, mâu thuẫn kéo dài ngày càng nghiêm trọng hơn. Đến ngày 22/7/2019, chị có nộp đơn ly hôn anh T2; sau khi hòa giải, anh T2 hứa sẽ khắc phục mâu thuẫn để đoàn tụ chung sống nên chị rút đơn về chung sống. Tuy nhiên chưa đầy 01 tháng sự việc mâu thuẫn lại tiếp diễn, anh T2 tiếp tục gây gổ, đánh đập chị; có lần anh T2 có hành vi dùng dao cứa vào cổ chị nhưng may chị chỉ bị thương tích nhẹ; sự việc chị không báo với chính quyền địa phương mà làm đơn ly hôn anh T2. Nay, tình cảm giữa chị với anh T2 không còn, chị yêu cầu ly hôn anh Ngô Văn T2.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Ngô Trần Huyền N – sinh ngày 02/12/2015; hiện nay con ở với anh T2, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đồng. Hiện chị làm nghề chài cá thu nhập mỗi tháng từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000đồng

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có;

Tại bản tự khai ngày 06/03/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn là anh Ngô Văn T2 trình bày:

Anh và chị Trần Thị T1 đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã P. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do không hiểu nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống; chị T1 đã một lần nộp đơn ly hôn anh; sau khi hòa giải, anh hứa sẽ khắc phục mâu thuẫn để đoàn tụ chung sống nên chị T2 rút đơn về chung sống. Ngày 06/01/2020, anh và chị T1 có cãi vã nhau, anh có đập đồ đạc trong gia đình, anh thừa nhận có lần anh đánh chị T1; từ đó chị Thình bỏ nhà chồng về nhà cha mẹ chị sống cho đến nay; vợ chồng sống ly thân nhau; anh có đến nhà cha mẹ vợ động viên để chị T1 về chung sống, nhưng chị T1 không về mà nộp đơn ly hôn. Hiện tại vợ chồng không còn sống chung như chị T1 trình bày. Nay chị T1 cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 người con như chị T1 trình bày, hiện con chung đang sống với anh, nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng cho con. Hiện anh làm nghề đi biển dài ngày thu nhập bình quân mỗi tháng 10.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị T1, cho chị Thịn được ly hôn anh Ngô Văn T2

Về con chung: Đề nghị giao con chung Ngô Trần Huyền N – sinh ngày 02/12/2015 cho chị T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con: Đề nghị Tòa án chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về cấp dưỡng nuôi con, buộc anh T2 phải cấp dưỡng nuôi cháu Ngô Trần Huyền N mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xét.

Về nợ chung: Không có nên đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 06/02/2020 chị Trần Thị T1 khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Ngô Văn T2 có cư trú tại tổ dân phố T 2, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung: Chị Trần Thị T1 và anh Ngô Văn T2 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P (nay là phường P) vào ngày 22 tháng 10 năm 2013, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Như vậy đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Thời gian đầu anh chị sống hạnh phúc; sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị bất đồng trong quan điểm sống, dẫn đến anh T2 thường gây gổ và đánh đập chị T1; bản thân anh T2 thiếu sự tôn trọng, quan tâm và chăm sóc chị T1. Chị T1 đã một lần nộp đơn ly hôn anh T2 tại Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, sau khi hòa giải thì chị T1 rút đơn về đoàn tụ chung sống, nhưng anh chị vẫn tiếp tục mâu thuẫn. Anh T2 có hành vi bạo lực gia đình khi đánh chị T1 làm cho mâu thuẫn kéo dài không có hướng khắc phục. Chị T1 cương quyết ly hôn, anh T2 cũng đồng ý ly hôn. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T1 và anh T2 ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo

dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cho chị Trần Thị T1 được ly hôn anh Ngô Văn T2.

[3] Về con chung: có 01 con chung tên Ngô Trần Huyền N – sinh ngày 02/12/2015; anh, chị đều có nguyện vọng nuôi con khi ly hôn. Xét yêu cầu của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ anh T2 có hành vi bạo lực gia đình dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc, anh T2 làm nghề biển thường đi dài ngày. Chị T1 là mẹ có thời gian, chỗ ở và thu nhập ổn định để trực tiếp chăm sóc con. Mặt khác, cháu N là con gái, đang trong giai đoạn hình thành nhân cách và tâm sinh lý. Để đảm bảo sự phát triển toàn vẹn của các cháu, Hội đồng xét xử nghị nên giao con chung cho chị T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh T2 làm nghề đi biển (đánh bắt hải sản) có thu nhập, việc chị T1 yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ nên được chấp nhận. Buộc anh T2 phải cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 27/4/2020.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì chị Trần Thị T1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Anh Ngô Văn T2 phải chịu 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, Điều 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị T1 được ly hôn anh Ngô Văn T2.
2. Về con chung: Giao cháu Ngô Trần Huyền N – sinh ngày 02/12/2015 cho chị Trần Thị T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh T2 phải cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*) cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 27/4/2020.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

Anh Ngô Văn T2 có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Trần Thị T1 phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn; được khấu trừ số tiền tạm phí chị T1 đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu số AA/2018/0002783 ngày 13 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ. Anh Ngô Văn T2 phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị T1, anh Ngô Văn T2 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- TAND tỉnh;
- THADS thị xã Đức Phổ;
- UBND phường P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thanh Sang

